

Số: /GPMT-STNMT-TNN

Hà Nội, ngày

tháng 8 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3596/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết và quyết định một số thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 831/TB-STNMT-VP ngày 16/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Phân công nhiệm vụ ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực Môi trường, Tài nguyên nước, Khoáng sản và Thông báo số 864/TB-STNMT-VP ngày 23/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết và quyết định thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường, Tài nguyên nước, Khoáng sản;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Dân dụng Thành phố Hà Nội tại Văn bản số 1084/BQLDADD-KHTH ngày 04/5/2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Đầu tư xây dựng cơ sở 2 Bệnh viện Thận Hà Nội tại phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và hồ sơ kèm theo;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho dự án/cơ sở đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2048/BQLDADD-KHTH ngày 09/8/2024 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Dân dụng Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Dân

dụng Thành phố Hà Nội, địa chỉ trụ sở tại số 159 phố Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 Bệnh viện Thận Hà Nội tại phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Đầu tư xây dựng cơ sở 2 Bệnh viện Thận Hà Nội.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Dân dụng Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1274/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Dân dụng Thành phố Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Dân dụng và Công nghiệp Thành phố Hà Nội và Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Văn hóa - Xã hội Thành phố Hà Nội.

- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Dân dụng Thành phố Hà Nội là chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 Bệnh viện Thận Hà Nội tại phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố Hà Nội (Phụ lục số 02).

1.4. Mã số thuế: 0107724277

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: dịch vụ y tế

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Phạm vi dự án: tại phường Yên nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo nội dung Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Bệnh viện Nhi Hà Nội và Bệnh viện Thận Hà Nội, tỷ lệ 1/500, (cụ thể: *phía Đông Bắc* tiếp giáp tuyến đường có mặt cắt ngang 25m; *phía Đông Nam* tiếp giáp với dự án Bệnh viện Nhi Hà Nội; *phía Tây Bắc* tiếp giáp tuyến đường có mặt cắt ngang 21,5m; *phía Tây Nam* tiếp giáp tuyến đường quy hoạch có mặt cắt ngang khoảng 40m).

- Quy mô, công suất dự án: tổng mức đầu tư dự kiến là 748.538 triệu đồng; nhóm dự án: dự án nhóm B; diện tích xây dựng 6.355 m²; tổng diện tích sàn: 27.700 m²; tầng cao: từ 01-08 tầng, 01 tầng hầm; quy mô giường bệnh: 250 giường.

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ theo quy hoạch được duyệt (nhà trạm điện và máy phát điện, nhà để khí y tế, trạm xử lý nước thải, nhà gom rác, trạm bơm, bể ngầm, nhà bảo vệ, đường giao thông nội bộ, bãi xe, cây xanh, ...).

Đầu tư các trang thiết bị y tế theo tiêu chuẩn, định mức quy định (thiết bị văn phòng, thiết bị PCCC, thiết bị y tế ...).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Dân dụng Thành phố Hà Nội

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Dân dụng Thành phố Hà Nội có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các nội dung tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng 8 năm 2024 đến ngày tháng 8 năm 2034).

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội phối hợp với Ủy ban nhân dân quận Hà Đông, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố; | (để báo cáo);
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở Nguyễn Minh Tấn;
- Sở Y tế Hà Nội;
- UBND quận Hà Đông;
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Dân dụng Thành phố Hà Nội;
- Bệnh viện Thận Hà Nội;
- Công thông tin điện tử Sở TN&MT;
- Lưu: VT, TNN.

Mhs: H26.14-240506-0006 - 2024000011659

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-TSTNMT ngày tháng 8 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình giặt là.
- Nguồn số 03: Nước thải y tế.
- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động súc rửa hệ thống lọc nước sinh hoạt và hệ thống lọc nước cho máy lọc thận nhân tạo.
- Nguồn số 05: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung tại phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: tại phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000):

$$X = 2\ 319\ 097 \quad Y = 577\ 053.$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 250 m³/ngày đêm.

2.3.1. *Phương thức xả nước thải:* Nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung được bơm theo đường ống công và tự chảy vào hệ thống thoát nước chung.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải:* Liên tục.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT cột B, (Đối với các thông số: pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera, sử dụng hệ số K = 1,0. Các thông số còn lại, sử dụng hệ số K=1,2 - trường hợp loại hình bệnh viện có quy mô <300 giường) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT cột B, hệ số K=1,0 (áp dụng đối với cơ sở có quy mô, diện tích sử dụng của cơ sở lớn hơn hoặc bằng 10.000m²), cụ thể như sau:*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
QCVN 28:2010/BTNMT				
1	pH	-	6,5 - 8,5	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
3	COD	mg/l	120	Không thuộc đối tượng theo các quy định hiện hành
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
10	Tổng coliforms	MPN/ 100ml	5.000	
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	
QCVN 14:2008/BTNMT				
14	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	
15	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01 (Nước thải sinh hoạt): từ bồn cầu, bồn tiểu của các khu vệ sinh; xử lý qua bể tự hoại; từ khu vực bếp ăn: xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ 03 ngăn; từ bồn rửa tay, thoát sàn, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02 (Nước thải từ quá trình giặt là): được xử lý sơ bộ qua hệ thống xử lý nước thải công suất 33 m³/ngày đêm, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 03 (Nước thải y tế): phát sinh từ các khoa phòng khám chữa bệnh của bệnh viện được tiền xử lý bằng Javen (bổ sung trên đường ống dẫn thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung).

- Nguồn số 04 (Nước thải từ hoạt động súc rửa hệ thống lọc nước sinh hoạt và hệ thống lọc nước cho máy lọc thận nhân tạo): theo đường ống dẫn thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 05 (Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải): định kỳ 01 lần/tháng được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 250 m³/ngày đêm, đặt tại phía Tây Bắc của dự án) được bơm theo đường ống công và tự chảy vào hệ thống thoát nước chung tại phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải giặt là:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải từ quá trình giặt là → Bể gom → bể cân bằng pH và keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Công suất thiết kế: 33 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: H₂SO₄, PAC, Polymer hoặc các hóa chất tương đương.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào từ các nguồn phát sinh nước thải (sau khi xử lý sơ bộ) → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí MBBR → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng → Nước thải sau khi xử lý xả vào hệ thống thoát nước chung.

- Công suất thiết kế: 250 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: javen, NaOH, NaHCO₃ hoặc các hóa chất tương đương.

1.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thực hiện các yêu cầu chung về quản lý nước thải theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân thủ quy trình kỹ thuật về vận hành hệ thống xử lý nước thải; định kỳ kiểm tra các bộ phận, máy móc, thiết bị, vật liệu thuộc hệ thống xử lý nước thải. Khi xảy ra các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải phải kịp thời thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố như: kiểm soát lưu lượng tăng đột biến, khắc phục chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, khắc phục sự cố hỏng máy móc, thiết bị, vật liệu xử lý nước thải...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến không quá 06 tháng, bắt đầu từ Quý IV/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải có công suất 250 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: nước thải đầu vào và nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo quy định tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục

này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát (Mẫu số 43 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.3. Thực hiện đầy đủ các cam kết tại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, trường hợp có sự thay đổi Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội để kiểm tra, giám sát.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng 8 năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	245.400
2	Các thiết bị y tế vỡ hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	10
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	20
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 13	70
Tổng số			245.500

Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	30
2	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	862,5
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác; vật liệu lọc từ quá trình xử lý nước...), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	150
Tổng số			1.042,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Rác thải y tế thông thường có thể tái chế: 203,96 tấn/năm;
- Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải: 6,314 tấn/năm;

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 71,21 tấn/năm;

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải y tế nguy hại phát sinh từ các phòng bệnh, phòng làm việc ... được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa, có túi lót màu theo quy định hiện hành của Bộ Y tế như sau:

- Chất thải y tế lây nhiễm đựng trong thùng/hộp có lót túi và có màu vàng.
- Chất thải y tế không lây nhiễm và chất thải nguy hại khác đựng trong thùng/hộp có lót túi và có màu đen.

Số lượng thùng chứa: 36 thùng dung tích 30 lít và 32 thùng dung tích 90 lít. Hàng ngày (tối thiểu 01 lần/ngày) được sử dụng xe chuyên dụng để vận chuyển từ nơi phát sinh đến kho chứa chất thải nguy hại (số lượng thùng chứa có thể thay đổi theo từng điều kiện và từng thời điểm).

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho, khu vực lưu chứa trong nhà: có diện tích 24 m² đặt tại tầng hầm tòa nhà chính của bệnh viện (góc phía Bắc). Trong kho bố trí 07 thùng lưu chứa có dung tích 240 lít/thùng, có dán nhãn tên, mã chất thải và biển cảnh báo tương ứng.

- Đối với chất thải lây nhiễm: Thời gian lưu giữ không quá 02 ngày trong điều kiện bình thường. Trường hợp lưu giữ chất thải lây nhiễm trong thiết bị bảo quản lạnh ở nhiệt độ dưới 8°C, thời gian lưu giữ tối đa không quá 07 ngày.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: nền kho lưu giữ chất thải nguy hại được chống thấm, có cửa khóa, mái che và được treo biển cảnh báo. Bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật dụng, vật liệu hấp phụ để xử lý trong trường hợp đổ tràn chất thải.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế được thu gom, phân loại tại nguồn, đựng trong túi hoặc trong thùng dung tích từ 30-90 lít có lót túi và có màu trắng, đặt tại các khoa phòng của bệnh viện; số lượng thùng chứa: 52 thùng. (số lượng thùng chứa có thể thay đổi theo từng điều kiện và từng thời điểm).

- Hàng ngày chất thải được sử dụng xe chuyên dụng để vận chuyển từ nơi phát sinh đến kho lưu trữ chất thải rắn thông thường, tần suất thu gom 01 lần/ngày.

- Đối với bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa tại ngăn chứa bùn, định kỳ 02 lần/năm chủ dự án tiến hành thuê đơn vị hút, thu gom bùn thải trong hệ thống với đơn vị được cấp phép, vận chuyển để xử lý theo quy định.

2.2.2. Kho, khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho, khu vực lưu chứa: có diện tích 25 m² đặt tại tầng hầm tòa nhà chính của bệnh viện (góc phía Nam). Trong kho bố trí 08 thùng lưu chứa có dung tích 240 lít/thùng.

- Thiết bị, cấu tạo của kho, khu vực lưu chứa: Khu vực có mái che, nền kho tập kết bằng bê tông chống thấm, có lắp đặt thiết bị PCCC theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt được đựng trong túi/thùng có lót túi và có màu xanh, phân loại tại nguồn theo nguyên tắc: chất thải hữu cơ, chất thải có thể tái chế và chất thải không tái chế.

- Bố trí các thùng chứa rác dung tích 120 lít có nắp đậy (số lượng khoảng 75 thùng), đặt theo từng cụm thùng phân loại rác thành 3 thành phần tại các khu vực hành lang, sân đường nội bộ và nhà vệ sinh. (số lượng thùng chứa có thể thay đổi theo từng điều kiện và từng thời điểm).

- Chất thải rắn quét dọn từ các khu vực công cộng, được đựng bằng 04 xe rác bằng inox dung tích 500 lít.

Hàng ngày chất thải được sử dụng xe chuyên dụng để vận chuyển từ nơi phát sinh đến kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, tần suất thu gom 01 lần/ngày.

2.3.2. Kho, khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho, khu vực lưu chứa trong nhà: có diện tích 22 m² đặt tại tầng hầm tòa nhà chính của bệnh viện (góc phía Nam). Trong kho bố trí 15 thùng lưu chứa có dung tích 240 lít/thùng.

- Thiết bị, cấu tạo của kho, khu vực lưu chứa: Khu vực có mái che, nền kho tập kết bằng bê tông chống thấm, có lắp đặt thiết bị PCCC theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG (nếu có)

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Chương X Luật Bảo vệ môi trường, Chương IX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với đặc điểm hiện trạng thực tế. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng 8 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội)

1. Thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu, phế thải tại vị trí phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.

3. Thực hiện theo các quy định hiện hành về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng công trình; về các biện pháp giảm bụi trong thi công xây dựng; Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - QCVN 05:2013/BTNMT.

4. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 1 - Khu vực thông thường) về độ rung.

5. Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đã đề xuất; Cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường thanh tra, kiểm tra khi cần thiết.

7. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường (gây ra trong quá trình hoạt động - nếu có) theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tới Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND quận Hà Đông để quản lý.

9. Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

10. Thực hiện việc cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.